TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHÁNH VĨNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/DS-ST
Ngày: 21 - 11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Pi Năng Thị Thượng

2. Bà Hà Thị Phương Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Quốc Hay – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh tham gia phiên toà:* Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc D

Địa chỉ: 318 đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Ông Lục Văn L và bà Nông Thị T

Địa chỉ: Thôn S, xã Khánh T, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Ngọc D trình bày:

Ngày 01/07/2018, ông Phạm Ngọc D có cho vợ chồng ông Lục Văn L và bà Nông Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, ông L, bà T hẹn đến ngày 01/8/2018 sẽ trả nợ cho ông D, khi đó bà T và ông L có đưa cho ông D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00207, do Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh cấp ngày 09/7/1999 để làm tin, việc vay này được thể hiện bằng

“Giấy mượn tiền kiêm thế chấp” ngày 01/7/2018. Vào ngày 20/7/2018, ông Phạm Ngọc D tiếp tục cho bà Nông Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T, ông L vay của ông D là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2018 ông L, bà T không trả nợ như đã hẹn, ông D đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông L, bà T trả nợ nhưng ông bà không trả. Ngày 03/11/2018, ông D đến nhà thì bà T, ông L để hỏi về tiền đã vay thì bà T thách thức ông D khởi kiện. Sau khi ông D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh thì bà T đã trả cho ông D được 20.000.000 đồng số tiền bà T vay vào ngày 20/7/2018, còn lại 60.000.000 đồng vợ chồng bà T, ông L hẹn đến ngày 20/4/2019 sẽ thanh toán hết, vì vậy ông đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án. Sau đó ông L, bà T vẫn không chịu trả nợ cho ông D nên ông D tiếp tục khởi kiện. Nguyên đơn ông Phạm Ngọc D yêu cầu bị đơn ông Lục Văn L và bà Nông Thị T trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử 21/11/2019, không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00207, do Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh cấp ngày 09/7/1999, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lục Văn L và bà Nông Thị T: Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông L, bà T cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là vi phạm theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi là HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử 21/11/2019.

Về án phí đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lục Văn L và bà Nông Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết tại địa phương và nơi cư trú, do đó Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại "Giấy mượn tiền kiêm thế chấp" ngày 01/7/2018 thể hiện, ngày 01/7/2018 vợ chồng ông Lục Văn L và bà Nông Thị T có vay của ông Phạm Ngọc D số tiền 60.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất; bà T và ông L có đưa cho ông D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00207, do Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh cấp ngày 09/7/1999 để làm tin. Ông L, bà T cam kết đến ngày 01/8/2018 sẽ trả hết nợ cho ông D.

Vào ngày 20/7/2018, ông Phạm Ngọc D tiếp tục cho bà Nông Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà T và ông L vay của ông D là 80.000.000 đồng. Đến thời hạn cam kết ngày 01/8/2018, ông D có liên hệ với ông L, bà T để yêu cầu trả nợ số tiền đã vay, tuy nhiên bà T, ông L không chịu trả. Vì vậy, ông Phạm Ngọc D đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh để yêu cầu ông Lục Văn L và bà Nông Thị T trả nợ vay. Sau đó, bà T đã trả cho ông D 20.000.000 đồng số tiền vay vào ngày 20/7/2018, số tiền 60.000.000 triệu còn lại thì hẹn đến ngày 20/4/2019 sẽ trả hết, nhưng đến nay ông L, bà T vẫn không trả nợ cho ông D nên đã phát sinh quyền khởi kiện của ông D.

HĐXX xét thấy, giao dịch dân sự vay tài sản giữa ông Phạm Ngọc D với ông Lục Văn L và bà Nông Thị T là có thật, hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không lãi. Ông Phạm Ngọc D đã thực hiện nghĩa vụ của người cho vay, tuy nhiên bên vay là ông L, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là không trả nợ đúng hạn đã cam kết. Hiện nay, phía bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc 60.000.000 đồng, lỗi của việc chậm trả nợ hoàn toàn do bị đơn, vì vậy khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi trên nợ gốc quá hạn: Tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc D yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử 21/11/2019.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định mức lãi trên nợ gốc quá hạn mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = nợ gốc quá hạn chưa trả là 60.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng = 3.500.000 đồng.

Ông D không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử đụng đất số 00207, do Ủy ban nhân dân huyện Khánh Vĩnh cấp ngày 09/7/1999, đứng tên sử dụng là ông Cao Văn T1 và bà Cao Thị L1. Qua xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Khánh Vĩnh đã xác định được hiện nay các thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã được cấp đổi thành các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thông tin số thửa, số tờ như sau:

1/Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 05 đã được cấp đổi thành 02 thửa bao gồm: thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 do ông Lê Đình K và bà Bùi Thị Đ đứng tên sử dụng và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 14 do ông Hà B đứng tên sử dụng. Hai thửa đất này tọa lạc tại xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

2/ Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 08 đã được cấp đổi thành thửa đất số 84, tờ bản đồ số 30, do bà Nông Thị T và ông Lục Văn L đứng tên sử dụng. Thửa đất này tọa lạc tại xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

Vì vậy, Tòa án không đưa ông Cao Văn T1 và bà Cao Thị L1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, ông Phạm Ngọc D khai việc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, ông L đưa là chỉ để làm tin chứ đây không phải là thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu xử lý nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lục Văn L và bà Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 63.500.000 đồng x 5% = 3.175.000 đồng

- Trả lại cho Phạm Ngọc D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, Khoản 2 Điều 227, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 463, 465, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc D.

2/ Buộc bị đơn ông Lục Văn L và bà Nông Thị T phải trả cho ông Phạm Ngọc D tổng số tiền 63.500.000 đồng (Trong đó: tiền nợ gốc là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng.)

3/ Về án phí:

- Ông Lục Văn L và bà Nông Thị T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 3.175.000 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc D 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0004802 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khánh Vĩnh.

4/ Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND huyện Khánh Vĩnh;*
- *THADS huyện Khánh Vĩnh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

LÊ XUÂN THI